Mẫu: M3-Mô tả CTĐT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Quản lý đất đai**

Tên tiếng Anh: **Land Management**

Tên các chuyên ngành: **Quản lý đất đai, Quản lý thị trường bất động sản**

Mã ngành: **7850103**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Hình thức đào tạo: **Tập trung**

Bình Định, 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1783 /QĐ-ĐHQN ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Quản lý đất đai Mã ngành: 7850103

Tên tiếng Anh: Land Management

Tên các chuyên ngành: Quản lý đất đai, Quản lý thị trường bất động sản

Loại hình đào tạo: Chính quy

Hình thức đào tạo: Tập trung

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai đào tạo cử nhân Quản lý đất đai có thái độ chính trị tốt, sức khỏe tốt, phẩm chất đạo đức tốt; có kiến thức chuyên môn toàn diện về lý luận và thực tiễn của khoa học Quản lý đất đai. Các môn chuyên ngành tập trung vào kiến thức về: hệ thống pháp luật chuyên ngành, công nghệ quản lý địa chính trên nền tảng những kiến thức có liên quan của khoa học Địa lý, Trắc địa - Bản đồ, Viễn thám và Hệ thông tin địa lý (GIS), Hệ thông tin đất đai (LIS), Quản lý đất tại đô thị, khu dân cư, các loại đất theo quy định của pháp luật....; có thể đo đạc và thu thập dữ liệu về đất đai bằng các công nghệ tiên tiến (công nghệ GPS, công nghệ Viễn thám, công nghệ ảnh số...), thành lập các bản đồ chuyên đề (bản đồ địa chính, bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất...) dạng số, thiết kế và vận hành các hệ thống thông tin đất đai...; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý đất đai.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý đất đai có thể làm việc tại các cơ quan nhà nước như UBND các cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường, cán bộ địa chính cấp cơ sở, cán bộ phòng Tài nguyên môi trường, .. Ngoài ra có thể làm việc cho các công ty thực hiện dịch vụ liên quan đến địa chính, doanh nghiệp xây dựng, đo đạc, kinh doanh bất động sản…

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình (Tiếng Việt)	Quản lý đất đai
2. Mã ngành đào tạo	7850103
3. Trường cấp bằng	Trường Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân

5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	135
7. Khoa quản lý	[Khoa Khoa học tự nhiên]
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian đào tạo	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy chế tuyển sinh hiện hành
11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 135 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); - Đạt chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin theo quy định chung của Nhà trường; - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.
13. Vị trí việc làm	** Khối cơ quan nhà nước:* - Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh/thành phố TW; - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường các quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; UBND tỉnh/huyện/xã. ** Khối đơn vị sự nghiệp:* - Chuyên viên Văn phòng, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai; - Chuyên viên Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Kỹ thuật dịch vụ TNMT thuộc Sở TNMT - Chuyên viên Trung tâm Phát triển quỹ đất cấp tỉnh/huyện; ** Nghiên cứu viên, giảng viên tại*

	các trường ĐH, CĐ, Viện nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ GIS, Viễn thám; * Nhân viên *các Công ty tư vấn đo đạc, quy hoạch, xây dựng, thẩm định giá, các công ty Bất động sản, ...* * *Chuyên viên các cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Xây dựng.*
14. Học tập nâng cao trình độ	Có cơ hội học tiếp chương trình Thạc sỹ, Tiến sỹ trong và ngoài nước
15. Chương trình tham khảo khi xây dựng	– Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội – Đại học Nông Lâm Huế – Đại học Nông Lâm TP. HCM
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 7/2020

1.3. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục

Trường Đại học Quy Nhơn đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 120/QĐCEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng.

1.3.1. Sứ mệnh Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

Trường Đại học Quy Nhơn đã xác định sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi như sau:

Sứ mệnh: Trường ĐH Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường ĐH Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi: Trách nhiệm – Chuyên nghiệp – Chất lượng – Sáng tạo – Nhân văn.

1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

- Toàn diện: Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

- Khai phóng: Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

- Thực nghiệp: Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành cử nhân Quản lý đất đai:

Chương trình đào tạo ngành Nông học			**Triết lý giáo dục của DQN**		
			Toàn diện	**Khai phóng**	**Thực nghiệp**
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		x	
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	x		
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			x
	Khối kiến thức chuyên ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	x		
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			x
		Các học phần thực tập, thực tế			x
	Khóa luận/đồ án tốt nghiệp				x
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên				x
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng, ...				x
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh			x	
	Hiến máu nhân đạo			x	
	Hoạt động vì người nghèo			x	
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	PLO1	Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, hiểu biết về an ninh quốc phòng, rèn luyện thể chất để tiếp thu và thực hiện đúng đắn các chủ trương, chính sách của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	x		
	PLO2	Vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản, khoa học quản lý làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên sâu và			x

(PLOs)		học tập chuyên môn.			
	PLO3	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành (Cơ sở thổ nhưỡng, Hệ thống thông tin địa lý, Trắc địa cơ sở, Cơ sở viễn thám, Quản lý nhà nước về đất đai …) phục vụ cho việc học tập các kiến thức chuyên sâu và làm việc trong ngành quản lý đất đai.			x
	PLO4	Vận dụng và phân tích các kiến thức chuyên sâu trong học tập, nghiên cứu (Hệ thống chính sách pháp luật đất đai, Quy hoạch, Đo đạc địa chính, địa hình, Thống kê, kiểm kê đất đai, Đăng ký đất đai, Quản lý thị trường bất động sản,…) và thực hiện tốt chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình thực tập tại các cơ quan quản lý, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ sở nghiên cứu và tổ chức liên quan đến lĩnh vực Quản lý đất đai.			x
	PLO5	Vận dụng thực tế đối với các kiến thức chuyên ngành phục vụ làm việc trong lĩnh vực quản lý đất đai.			x
	PLO6	Có kỹ năng trong giao tiếp, ứng xử và trao đổi nghề nghiệp; thuyết trình, thảo luận, làm việc độc lập, theo nhóm; kỹ năng tìm kiếm việc làm và khởi nghiệp.	x		
	PLO7	Vận dụng thành thạo các kỹ năng về ngoại ngữ, tin học trong nghiên cứu ứng dụng các lĩnh vực chuyên môn .		x	
	PLO8	Sáng tạo trong xử lý và giải quyết các tình huống trong quản lý đất đai và quản lý thị trường bất động sản.		x	
	PLO9	Có kỹ năng vận dụng tính năng của các thiết bị, kỹ thuật và công nghệ hiện đại phục vụ đo đạc, thành lập bản đồ địa chính, địa hình và các loại bản đồ chuyên đề.		x	
	PLO10	Có kỹ năng vận dụng thành thạo các phần mềm liên quan đến công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý, cơ sở dữ liệu đất đai và bất động sản phục vụ tốt công tác quản lý đất đai.		x	
	PLO11	Có kỹ năng hiểu và vận dụng tốt các kiến thức chuyên ngành thực hiện các nghiệp			x

		vụ về kiểm kê, quy hoạch, đăng ký, định giá góp phần xây dựng các phương án phù hợp nhất cho quản lý đất đai.			
	PLO12	Có kỹ năng vận dụng và phân tích hệ thống chính sách pháp luật đất đai, thị trường bất động sản để xử lý, giải quyết những tình huống liên quan đến công tác giao đất, cho thuê đất, đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai.			x

1.3.3. Sứ mệnh – Tầm nhìn của Khoa

Sứ mệnh của Khoa: Khoa Khoa học Tự nhiên thuộc Trường Đại học Quy Nhơn là đơn vị đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao; nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực: Khoa học Tự nhiên (744), Khoa học sự sống (742), Công nghệ kỹ thuật (751), Sản xuất và chế biến (754), Nông lâm nghiệp và thủy sản (762), Môi trường và bảo vệ môi trường (782); phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội .

Tầm nhìn của Khoa: "Đến năm 2030, Khoa Khoa học Tự nhiên trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu khoa học định hướng ứng dụng có uy tín cao, một số ngành đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế".

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản lý đất đai có trình độ chuyên môn, có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe, giao tiếp xã hội tốt, có khả năng quản lý, có tư duy độc lập, sáng tạo và khả năng làm việc tập thể. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có đầy đủ kỹ năng, kiến thức về hệ thống pháp luật đất đai và công nghệ địa chính, có thể đáp ứng được các vị trí công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp; doanh nghiệp, các đơn vị tư vấn trong lĩnh vực đất đai; các trường đại học, cao đẳng, học viện và viện nghiên cứu...

1.4.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

- Về kiến thức

+ PO1: Nắm được những kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, hiểu biết về an ninh quốc phòng, rèn luyện thể chất để tiếp thu và thực hiện đúng đắn các chủ trương, chính sách của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ PO2: Có các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, khoa học quản lý để tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập chuyên

môn.

+ PO3: Nắm vững kiến thức cơ sở của khoa học địa chính, các kiến thức chuyên ngành và thành thạo trong việc vận dụng kiến thức để thực hiện tốt chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đất đai tại các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp, tổ chức xã hội và các cơ sở nghiên cứu.

- ***Kỹ năng:***

+ PO4: Có khả năng sử dụng các thiết bị, kỹ thuật và công nghệ hiện đại, kỹ năng đo đạc; phân tích, xử lý ảnh viễn thám; sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành, thành lập được các bản đồ chuyên đề trong lĩnh vực Quản lý đất đai, Tài nguyên - môi trường.

+ PO5: Có năng lực sáng tạo, giao tiếp, ứng xử và trao đổi nghề nghiệp và tư duy phản biện trong xử lý tình huống, giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý đất đai theo yêu cầu của xã hội. Đồng thời rèn luyện được kỹ năng thuyết trình, thảo luận, làm việc độc lập, theo nhóm; kỹ năng tìm kiếm việc làm và khởi nghiệp.

+ PO6: Sử dụng tốt ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu làm việc và học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- ***Mức tự chủ và trách nhiệm***

+ PO7: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, vận dụng và tuân thủ pháp luật đất đai trong công tác chuyên môn và trong cuộc sống. Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng,.

+ PO8: Luôn có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc, nâng cao năng lực chuyên môn của bản thân, luôn đổi mới để theo kịp sự phát triển của xã hội.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau đây:

1.5.1. Về kiến thức

1) PLO1: Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, hiểu biết về an ninh quốc phòng, rèn luyện thể chất để tiếp thu và thực hiện đúng đắn các chủ trương, chính sách của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2) PLO2: Vận dụng các kiến thức khoa học cơ bản, khoa học quản lý làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên sâu và học tập chuyên môn.

3) PLO3: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành (Cơ sở thổ nhưỡng, Hệ thống thông tin địa lý, Trắc địa cơ sở, Cơ sở viễn thám, Quản lý nhà nước về đất đai ...) phục vụ cho việc học tập các kiến thức chuyên sâu và làm việc trong ngành quản lý đất đai.

4) PLO4: Vận dụng và phân tích các kiến thức chuyên sâu trong học tập, nghiên cứu (Hệ thống chính sách pháp luật đất đai, Quy hoạch, Đo đạc địa chính, địa hình, Thống kê, kiểm kê đất đai, Đăng ký đất đai, Quản lý thị trường bất động sản,...) và thực hiện tốt chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình thực tập tại các cơ quan quản lý, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ sở nghiên cứu và tổ chức liên quan đến lĩnh vực Quản lý đất đai.

5) PLO5: Vận dụng thực tế đối với các kiến thức chuyên ngành phục vụ làm việc trong lĩnh vực quản lý đất đai.

1.5.2. Kỹ năng:

✓ *Kỹ năng chung:*

6) PLO6: Có kỹ năng trong giao tiếp, ứng xử và trao đổi nghề nghiệp; thuyết trình, thảo luận, làm việc độc lập, theo nhóm; kỹ năng tìm kiếm việc làm và khởi nghiệp.

7) PLO7: Vận dụng thành thạo các kỹ năng về ngoại ngữ, tin học trong nghiên cứu ứng dụng các lĩnh vực chuyên môn .

8) PLO8: Sáng tạo trong xử lý và giải quyết các tình huống trong quản lý đất đai và quản lý thị trường bất động sản.

✓ *Kỹ năng chuyên môn*

9) PLO9: Có kỹ năng vận dụng tính năng của các thiết bị, kỹ thuật và công nghệ hiện đại phục vụ đo đạc, thành lập bản đồ địa chính, địa hình và các loại bản đồ chuyên đề.

10) PLO10: Có kỹ năng vận dụng thành thạo các phần mềm liên quan đến công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý, cơ sở dữ liệu đất đai và bất động sản phục vụ tốt công tác quản lý đất đai.

11) PLO11: Có kỹ năng hiểu và vận dụng tốt các kiến thức chuyên ngành thực hiện các nghiệp vụ về kiểm kê, quy hoạch, đăng ký, định giá góp phần xây dựng các phương án phù hợp nhất cho quản lý đất đai.

12) PLO12: Có kỹ năng vận dụng và phân tích hệ thống chính sách pháp luật đất đai, thị trường bất động sản để xử lý, giải quyết những tình huống liên quan đến công tác giao đất, cho thuê đất, đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai.

1.5.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

13) PLO13: Vận dụng và tuân thủ pháp luật đất đai, bảo vệ môi trường trong công tác chuyên môn và trong cuộc sống, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

14) PLO14: Sáng tạo trong công việc, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, hợp tác, thân thiện, phục vụ cộng đồng.

15) PLO15: Vận dụng và cập nhật kiến thức chuyên môn, sáng tạo trong công việc.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
PO1	x														
PO2		x													
PO3			x	x	x										
PO4									x	x					
PO5						x		x		x	x				
PO6							x		x						

PO7													x	x	x
PO8					x	x		x						x	x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

- Chuẩn bị của giảng viên

+ Giảng viên nghiên cứu mục tiêu đào tạo của chương trình, khung chương trình, học phần (khối kiến thức) để xác lập mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp, để tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao nhất.

+ Giảng viên chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu: tập bài giảng và trang thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy. Tập bài giảng phải thể hiện rõ được mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, kỹ năng, trình tự, nội dung giảng dạy. Mục tiêu của mỗi tiết học, nội dung giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu chung của học phần hoặc môn học (khối kiến thức), chuẩn kiến thức, kỹ năng, phù hợp với chương trình đào tạo. Nội dung kiến thức trong giáo án phải thống nhất với nội dung kiến thức của đề cương chi tiết bài giảng đã được thông qua tại Hội đồng Khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt. Nội dung học tập phải gắn với mục tiêu giảng dạy và chương trình đào tạo. Phương pháp giảng dạy được sử dụng phải phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt và phù hợp với đối tượng người học, đảm bảo giúp người học chủ động tự tổ chức nghiên cứu, học tập; tích cực tìm hiểu, khám phá, lĩnh hội những tri thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra của môn học.

- Các phương pháp giảng dạy - học tập

+ Dạy trực tiếp: thuyết giảng;

+ Dạy gián tiếp: Câu hỏi gợi mở; Giải quyết vấn đề.

+ Học trải nghiệm: Thực hành, thí nghiệm; Thực tập thực tế.

+ Dạy học tương tác: Thảo luận

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

Phương pháp giảng dạy- học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I. Dạy trực tiếp															
1. Thuyết giảng	x	x	x	x	x		x			x			x		
II. Dạy gián tiếp															
2. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x			x		x					
3. Đặt và Giải quyết vấn đề				x	x	x				x	x	x			
4. Học theo tình huống				x	x	x	x				x	x			
III. Học trải nghiệm															
5. Thực tập, thực tế		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
6. Thực hành, thí nghiệm		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	

Phương pháp giảng dạy- học tập	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	1
IV. Dạy học tương tác															
9. Thảo luận		x	x	x	x			x			x	x			
10. Học nhóm								x			x	x		x	x
11. Thuyết trình							x	x						x	x
V. Tự học															
12. Bài tập ở nhà			x				x	x	x	x					x
13. Tự đọc tài liệu	x	x						x						x	x

- Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

+ Phát huy tối đa tính tích cực, sáng tạo, chủ động của sinh viên: giảng viên cần phải chú trọng phát huy các chức năng tâm lý, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo thông qua việc tạo điều kiện cho sinh viên được thảo luận, trình bày các quan điểm, tư duy về các vấn đề liên quan đến môn học; phối hợp các phương pháp giảng dạy khác một cách hợp lý từng đối tượng người học và bối cảnh cụ thể.

+ Sử dụng tối ưu cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy, học tập: Nhà trường cần có kế hoạch đầu tư và sử dụng hiệu quả các cơ sở vật chất, phương tiện, tài liệu phục vụ cho công tác cho giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập của giảng viên và sinh viên; Tăng cường và mở rộng sự hợp tác giữa nhà trường với các cơ sở sản xuất, các viện, trường đại học, các tổ chức, cá nhân…trong và ngoài nước để tạo điều kiện thuận lợi, vận động cho việc xây dựng, ứng dụng và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ mới, hiện đại, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

**** Thang điểm đánh giá:***

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

**** Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm***

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	**Chuyên cần**	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học 10% Th ời gian tham dự buổi học bắt buộc. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	10%
		Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học 10% Th ời gian tham dự buổi học bắt buộc. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
2	**Quá trình**	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. -Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: Bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá *Seminar hoặc theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. -Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar: mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức và kỹ năng truyền đạt.	20%
3	**Cuối kỳ**	Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết/seminar/... - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar: mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt.	70%

b. Học phần thí nghiệm - thực hành

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành. Điểm trung bình cộng các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

c. Học phần khóa luận/đồ án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1241/QĐ-ĐHQN ngày 15/5/2014 của Trường Đại học Quy Nhơn

**** Phương pháp đánh giá***

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I. Đánh giá tiến trình															
1. Đánh giá chuyên cần														x	
2. Đánh giá bài tập		x	x	x	x	x			x	x	x	x		x	x
3. Đánh giá thuyết trình		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
II. Đánh giá tổng kết															
4. Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x			
5. Báo cáo	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
6. Đánh giá thuyết trình		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
7. Đánh giá làm việc nhóm		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	***Khối kiến thức giáo dục đại cương***	**36**	**0**
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	0
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	0
1.3.	Ngoại ngữ	7	0
1.4.	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	44	0
2	***Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp***	**99**	**12**
2.1	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	36	0
2.2.	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	32	8
2.3.	Kiến thức bổ trợ	25	4
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	0
	Tổng:	**123**	**12**
	(không kể GDTC và GDQP-AN)	**135**	

- Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 16 TC:

Khối kiến thức đại cương giúp người học có kiến thức vững chắc về khoa học tự nhiên và xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh; Có sức khỏe tốt, có khả năng đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức bảo vệ độc lập chủ quyền của đất nước, giữ gìn tình hữu nghị giữa các dân tộc và bảo vệ hào bình của thế giới; Có khả năng vận dụng kiến thức khoa học trái đất, khoa học quản lý vào trong nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn. Vận dụng được kiến thức và kỹ năng về ngoại ngữ, khởi nghiệp trong giao tiếp và hoạt động chuyên, phát triển nghề nghiệp sau này.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm:

+ *Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (16 học phần)* giúp người học có kiến thức đầy đủ, hiểu và áp dụng các kiến thức về hiện tượng và quá trình lý, sinh, hóa trong môi trường; làm cơ sở cho các học phần chuyên sâu; Phân tích và áp dụng được các kiến thức khoa học môi trường, bản đồ, địa lý, khoa học trái đất... làm cơ sở cho các học phần chuyên sâu, nền tảng cho công việc chuyên môn về quản lý đất đai; Có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, trắc địa, công cụ quản lý đất đai... và vận dụng trong hoạt động chuyên môn. Có kỹ năng cơ bản về tư duy phản biện, làm việc độc lập và làm việc nhóm để phục vụ yêu cầu công việc.

+ *Khối kiến thức ngành và chuyên ngành (23 học phần)* giúp cho người học có những kiến thức chuyên sâu và vững chắc về công tác quản lý về đất đai, ứng dụng công nghệ hiện đại vào quản lý đất đai...; đồng thời biết cách vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các tình huống trong công tác quản lý về đất đai. Qua đó rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tốt về

thuyết trình; kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề...; Có đạo đức nghề nghiệp.

+ Khối kiến thức bổ trợ (15 học phần), khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (2 học phần) giúp cho người học bổ sung và hoàn thiện những kiến thức, kỹ năng cho học tập các môn chuyên ngành, hỗ trợ công việc chuyên môn: Có kiến thức về chính sách, pháp luật đất đai, quy trình quản lý nhà nước về đất đai; Có kiến thức, kỹ năng về đo đạc, xử lý số liệu đo đạc, thành lập các loại bản đồ địa chính và các bản đồ chuyên đề. Bên cạnh đó, còn cung cấp các các kiến thức về GIS, viễn thám, hệ thống thông tin đất đai, góp phần hỗ trợ tốt cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai..... Ngoài ra, sinh viên có thể vận dụng kỹ năng về ngoại ngữ trong giao tiếp, nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn. Đồng thời, các học phần này cũng sẽ giúp sinh viên phát triển và hoàn thiện các kỹ năng làm việc nhóm, độc lập; kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề; Khả năng tự lập kế hoạch, đánh giá được chất lượng công việc và tự đưa ra kết luận chuyên môn, nghề nghiệp; Có đạo đức nghề nghiệp.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Khối kiến thức		Số TC	Tỉ lệ	PLOs														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	**Khối kiến thức giáo dục đại cương**	**35**	**23,9**	M	M	M	-	-	-	M	-	-	-	-	-	M	-	M
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	8,9	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	-	M
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	11	7,5	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	-	L
1.3.	Ngoại ngữ	7	4,8	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	L
1.4.	KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý	4	2,7	-	M	M	-	-	-	-	-	-	M	-	-	L	-	M
2	**Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**	**111**	**76,1**	L	M	H	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	36	24,7	-	-	M	-	M	-	-	-	L	-	M	M	-	-	M
2.2.	Kiến thức ngành, chuyên ngành	40	27,4	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	M	M	M	-	M
2.3.	Kiến thức bổ trợ	29	19,9	L	M	H	M	M	H	M	M	M	M	M	M	M	M	M
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	4,1	L	M	H	M	M	M	-	M	M	M	M	M	M	M	M

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.3. Danh sách các học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ trên lớp			TN/ TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				**24**									
Phần bắt buộc													
I.1. Khoa học chính trị và pháp luật				**13**									
1	1130299	Triết học Mác Lênin	1	3	30		30			75		GDCT - Luật	

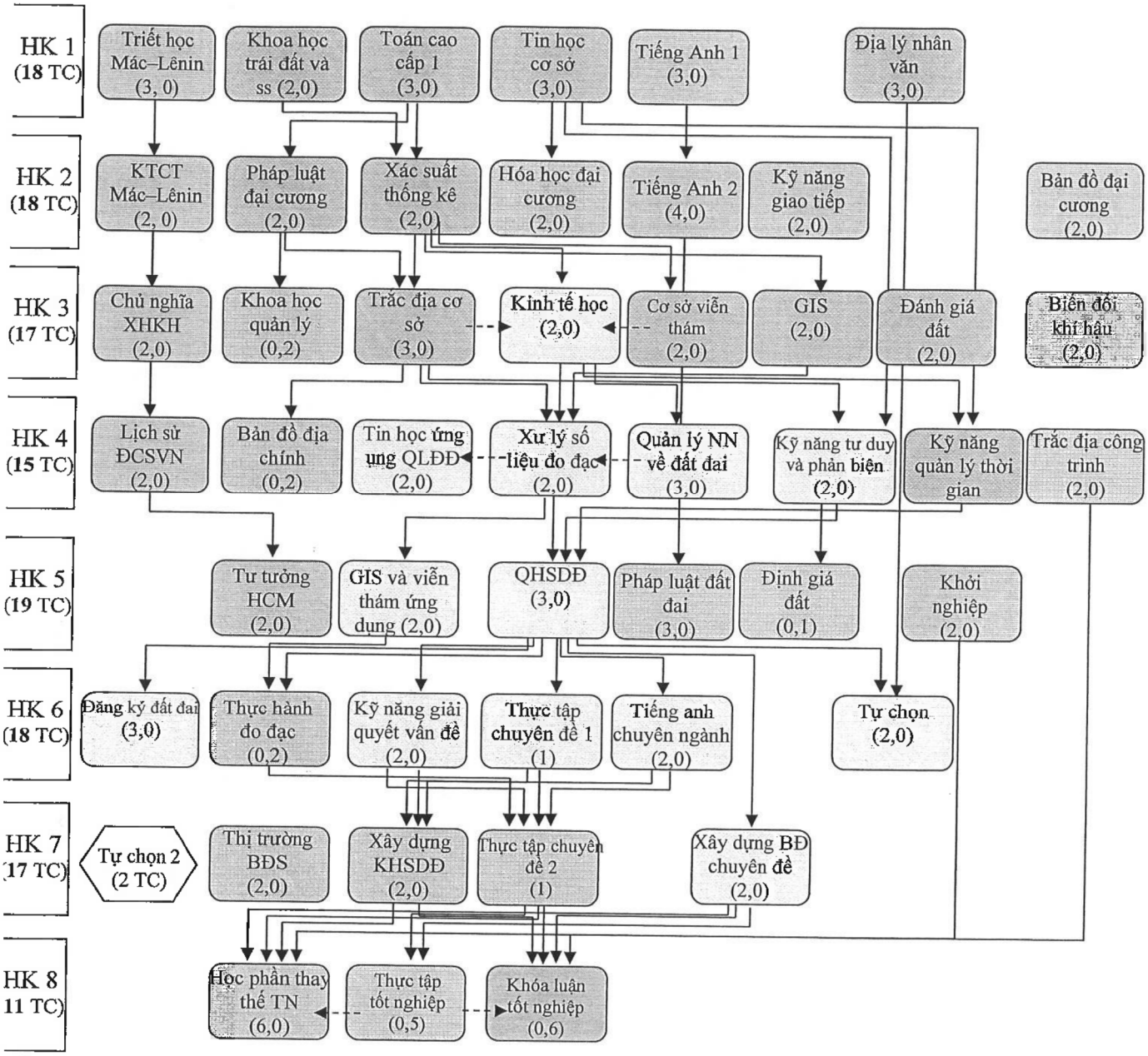
TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ trên lớp			TN/ TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
												- QLNN	
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	20		20			50		GDCT - Luật - QLNN	
3	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	2	20		20			50	1130046	GDCT - Luật - QLNN	
4	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	2	20		20			50		GDCT - Luật - QLNN	
5	1130302	Lịch sử Đảng CSVN	4	2	20		20			50		GDCT - Luật - QLNN	
6	1130049	Pháp luật đại cương	2	2	20		20			50	1130045	GDCT - Luật - QLNN	
I.2. Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-AN				**11**									
7	1120172	*Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)*	1	1	4			26		21		GDTC - QP	
8	1120173	*Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)*	2	1	4			26		21	1120172	GDTC - QP	
9	1120174	*Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)*	3	1	4			26		21	1120173	GDTC - QP	
10	1120175	*Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)*	1	1	4			26		21		GDTC - QP	
11	1120176	*Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)*	2	1	4			26		21	1120175	GDTC - QP	
12	1120177	*Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)*	3	1	4			26		21	1120176	GDTC - QP	
13	1120178	*Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)*	1	1	4			26		21		GDTC - QP	
14	1120179	*Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)*	2	1	4			26		21	1120178	GDTC - QP	
15	1120180	*Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)*	3	1	4			26		21	1120179	GDTC - QP	
16	1120181	*Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)*	1	1	4			26		21		GDTC - QP	
17	1120182	*Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)*	2	1	4			26		21	1120181	GDTC - QP	
18	1120183	*Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)*	3	1	4			26		21	1120182	GDTC - QP	
19	1120184	*Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)*	1	1	4			26		21		GDTC - QP	
20	1120185	*Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)*	2	1	4			26		21	1120184	GDTC - QP	
21	1120186	*Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)*	3	1	4			26		21	1120185	GDTC - QP	
22	1120187	*Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)*	1	1	4			26		21		GDTC - QP	
23	1120188	*Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)*	2	1	4			26		21	1120187	GDTC - QP	
24	1120189	*Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)*	3	1	4			26		21	1120188	GDTC - QP	
25	1120190	*Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)*	1	1	4			26		21		GDTC - QP	
26	1120191	*Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)*	2	1	4			26		21	1120190	GDTC - QP	
27	1120192	*Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)*	3	1	4			26		21	1120191	GDTC - QP	
28	1120168	*Giáo dục quốc phòng-An ninh 1 (*)*	2	3	37		8			82		GDTC - QP	
29	1120169	*Giáo dục quốc phòng-An ninh 2 (*)*	2	2	22		8			52		GDTC - QP	
30	1120170	*Giáo dục quốc phòng-An ninh 3 (*)*	2	2	14			16		44		GDTC - QP	

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ trên lớp			TN/ TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
31	1120171	*Giáo dục quốc phòng-An ninh 4 (*)*	2	2	4			56		64	1120170	GDTC - QP	
I.3. Ngoại ngữ				**7**									
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15				90		Ngoại ngữ	
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20				120	1090061	Ngoại ngữ	
I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý				**4**	**4**								
34	1130002	Khởi nghiệp	5	2	22	6	4			58		TCNH&QTKD	
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20	5	48		KHXT&NV	
Phần tự chọn													
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				**111**									
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành				**36**									
36	1010392	Toán cao cấp	1	2	22	8				60		Toán - Thống kê	
37	1010128	Xác suất thống kê	2	2	24	6				60	1010111	Toán - Thống kê	
38	2020454	Hóa học đại cương	2	2	25			10		55		KHTN	
39	2020118	Khoa học Trái Đất và sự sống	1	2	20		10			45		KHTN	
40	1100195	Khoa học quản lý	3	2	26	2	4			58		KHTN	
41	1050240	Tin học sơ sở	1	3	30			30		75		CNTT	
42	1090004	Tiếng Anh chuyên ngành	6	2	25	5				60		KHTN	
43	1080190	Bản đồ học đại cương	2	2	25	5				60		KHTN	
44	1080191	Trắc địa cơ sở	3	3	40			10		85	1080190	KHTN	
45	2020119	Địa lý nhân văn	1	2	30	0	0			60		KHTN	
46	1080046	Địa lý Việt Nam	1	3	40		10			85		KHTN	
47	2020120	Kinh tế học	3	2	24	6				60		KHTN	
48	2020121	Cơ sở thổ nhưỡng	2	2	25		10			55		KHTN	
49	2020122	Cơ sở viễn thám	3	2	25			10		55		KHTN	
50	2020123	Hệ thống thông tin địa lý	3	2	25			10		55		KHTN	
51	2020455	Pháp luật đất đai	5	3	35		20			80		KHTN	
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành				**40**									
II.2.1. Kiến thức ngành				**24**									
II.2.1a. Phần bắt buộc				**20**	**20**								
52	2020124	Bản đồ địa chính	4	2	20	5	10			55	1080191	KHTN	
53	2020125	GIS và viễn thám ứng dụng	5	2	20			20		50	2020122	KHTN	
54	1080205	Đăng ký đất đai	6	3	25		20	20		70	1080199	KHTN	
55	1080199	Quản lý nhà nước về đất đai	4	3	35		20			80		KHTN	
56	2020126	Quy hoạch sử dụng đất	5	3	30		10	20		75		KHTN	
57	2020127	Thị trường bất động sản	7	2	25		10			55	1080202	KHTN	
58	2020128	Đánh giá đất	3	2	20			20		50	2020121	KHTN	
59	1080202	Định giá đất và quản lý tài chính về đất đai	5	3	30	10		10		85		KHTN	
II.2.1b. Phần tự chọn (4/12)				**4**						0			
60	1080217	Tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai	6	2	25		10			55		KHTN	
61	1080194	Cơ sở sử dụng hợp lí TNTN	3	2	25		10			55		KHTN	
62	1080196	Biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên	3	2	20		20			50		KHTN	

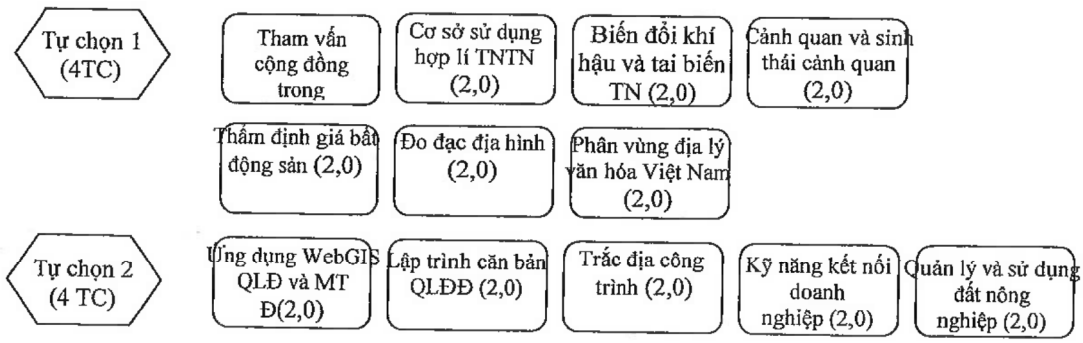
TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ trên lớp			TN/ TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
63	1080195	Cảnh quan và sinh thái cảnh quan	3	2	20		10	10		50		KHTN	
64	2020129	Thẩm định giá bất động sản	6	2	20	10				60	1080202	KHTN	
65	2020130	Đo đạc địa hình	6	2	25			10		55	1080191	KHTN	
66	2020131	Phân vùng địa lý văn hóa Việt Nam	3	2	25		10			55		KHTN	
II.2.2. Kiến thức chuyên ngành (Quản lý đất đai)				**16**									
II.2.2a. Phần bắt buộc				**10**	**12**								
67	2020457	Hệ thống thông tin đất đai (LIS)	6	2	25		10			55	1080199	KHTN	
68	2020458	Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng SDĐ	6	2	25		10			55	1080199	KHTN	
69	2020132	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất	7	2	15			30		45	1080085		
70	1080080	Quản lý địa giới hành chính	6	2	25		10			55		KHTN	
71	2020133	Thực hành xây dựng CSDL đất đai	7	2	0			60		30		KHTN	
II.2.2b. Phần tự chọn (4/12)				4									
72	2020134	Sinh kế trong thay đổi sử dụng đất	7	2	25		10			55	2020126	KHTN	
73	1080216	Hệ thống Nông nghiệp và thủy nông	7	2	25			10		55		KHTN	
74	1080220	Phong thủy học và địa lý ứng dụng	7	2	20		10	10		50		KHTN	
75	1080279	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	7	2	25		10			55	2020126	KHTN	
76	2020135	Quản lý quy hoạch xây dựng	7	2	25		10			55		KHTN	
77	2020136	Ứng dụng mô hình hóa trong quản lý đất đai	7	2	25			10		55		KHTN	
II.2.3. Kiến thức chuyên ngành (Quản lý thị trường BĐS)				**14**									
II.2.3a. Phần bắt buộc				10	10								
78	2020137	Đầu tư bất động sản	7	2	20	5	10			55	1080202	KHTN	
79	2020138	Môi giới Bất động sản	6	2	25		10			55	1080202	KHTN	
80	2020139	Maketing bất động sản	7	2	25		10			55	1080202	KHTN	
81	2020140	Hệ thống thông tin đất đai và bất động sản (LIS + RIS)	7	2	25			10		55		KHTN	
82	2020141	Quản lý nhà nước trong kinh doanh bất động sản	6	2	25		10			55	1080199	KHTN	
II.2.3b. Phần tự chọn (4/10)				4									
83	2020142	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	7	2	25	5				60		KHTN	
84	2020143	Đấu giá bất động sản	7	2	25		10			55		KHTN	
85	1080220	Phong thủy học và địa lí ứng dụng	7	2	20		10	10		50		KHTN	
86	2020144	Đàm phán trong kinh doanh BĐS	7	2	25		10			55		KHTN	
87	2020145	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	7	2	25		10			55		KHTN	
II.3. Kiến thức bổ trợ				**35**									
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp				**22**									
Các học phần bắt buộc				18	18								

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ	Số TC	Giờ trên lớp			TN/ TH	Khác (TT, ĐA, BTL)	Giờ tự học	Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					LT	BT	TL						
88	1080213	Công nghệ GNSS trong đo đạc địa chính	5	2	20			20		50	2020124	KHTN	
89	2020456	Trắc địa ảnh, giải đoán và điều vẽ ảnh	5	2	25			10		55		KHTN	
90	1080193	Thực hành đo đạc địa chính	6	2	0			60		30	2020124; 1080207	KHTN	
91	1080207	Tin học ứng dụng ngành QLĐĐ	4	2	15			30		45		KHTN	
92	1080209	Xử lý số liệu đo đạc	4	2	20	10				60	1080191	KHTN	
93	2020146	Kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề	4	2	15	10	10			55			
94	2020147	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	4	2	21	0	0	18		51			
95	2020148	Xây dựng Bản đồ chuyên đề trong QLĐĐ	7	2	20			20		50		KHTN	
96	2020149	Kỹ năng giải quyết tình huống pháp luật đất đai	6	2	20			20		50		KHTN	
Các học phần tự chọn (4/8)				4									
97	1080221	Ứng dụng WebGIS quản lý đất đai và môi trường	7	2	25			10		55		KHTN	
98	2020150	Lập trình căn bản trong quản lý đất đai	4	2	20			20		50		KHTN	
99	1080215	Trắc địa công trình	4	2	25			10		55	1080191	KHTN	
100	2020151	Kỹ năng kết nối doanh nghiệp	7	2	25		10			55			
101	2020152	Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp	7	2	25			10		55		KHTN	
II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp				7									
102	2020153	Thực tập chuyên đề 1: Công nghệ địa chính	6	1	0			60		30	2020125; 2020126; 2020124	KHTN	
103	2020154	Thực tập chuyên đề 2: Khoa học địa chính	7	1	0			30		15	1080199; 1080202	KHTN	
104	2020155	Thực tập tốt nghiệp	8	5						0		KHTN	
II.4. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế				6									
105	2020156	Khóa luận tốt nghiệp	8	6								KHTN	
	Học phần thay thế			*6*									
106	1080222	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	8	3	40		10			85	1080202; 2020132	KHTN	
107	1080224	Ứng dụng Geomatics trong quản lý đất đai	8	3	40			10		85	2020148; 2020457	KHTN	
Tổng cộng				**135**									

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy



Danh sách các học phần tự chọn



Chú thích:

	Khối kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức bổ trợ
	Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành		Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế
	Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)	→	Học phần học trước
Tên học phần (x, y)	x: Số tín chỉ giờ trên lớp y: Số tín chỉ thí nghiệm – thực hành, thực tập.	⇢	Học phần song hành

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

TT	Mã HP	Tên học phần	PLOs														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	1130299	Triết học Mác Lênin	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	1130300	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	M	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
3	1130091	Tư tưởng Hồ Chí Minh	M	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
4	1130301	Chủ nghĩa xã hội khoa học	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	1130302	Lịch sử Đảng CSVN	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	1130049	Pháp luật đại cương	M	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	M	-	-
7	1120172	*Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
8	1120173	*Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
9	1120174	*Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
10	1120175	*Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
11	1120176	*Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
12	1120177	*Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
13	1120178	*Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
14	1120179	*Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
15	1120180	*Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
16	1120181	*Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
17	1120182	*Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
18	1120183	*Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
19	1120184	*Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
20	1120185	*Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
21	1120186	*Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
22	1120187	*Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-

TT	Mã HP	Tên học phần	PLOs														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
23	1120188	*Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
24	1120189	*Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
25	1120190	*Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
26	1120191	*Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
27	1120192	*Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3) (*)*	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-
28	1120168	*Giáo dục quốc phòng-An ninh 1 (*)*	M	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	M
29	1120169	*Giáo dục quốc phòng-An ninh 2 (*)*	M	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	M
30	1120170	*Giáo dục quốc phòng-An ninh 3 (*)*	M	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	M
31	1120171	*Giáo dục quốc phòng-An ninh 4 (*)*	M	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	M
32	1090061	Tiếng Anh 1	-	-	-	-	-	-	H	M	-	-	-	-	-	-	-
33	1090166	Tiếng Anh 2	-	-	-	-	-	-	H	M	-	-	-	-	-	-	-
34	1130002	Khởi nghiệp	-	-	-	-	-	-	H	M	-	-	-	-	-	-	-
35	2030003	Kỹ năng giao tiếp	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	M	-
36	1010392	Toán cao cấp	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	M	M
37	1010128	Xác suất thống kê	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	2020454	Hóa học đại cương	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	2020118	Khoa học Trái Đất và sự sống	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
40	1100195	Khoa học quản lý	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	M	M
41	1050240	Tin học sơ sở	-	M	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-
42	1090004	Tiếng Anh chuyên ngành	-	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	-	M	-
43	1080190	Bản đồ học đại cương	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
44	1080191	Trắc địa cơ sở	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	M	M
45	2020119	Địa lý nhân văn	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-
46	1080046	Địa lý Việt Nam	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-
47	2020120	Kinh tế học	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	M	-
48	2020121	Cơ sở thổ nhưỡng	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-
49	2020122	Cơ sở viễn thám	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	-	-
50	2020123	Hệ thống thông tin địa lý	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	M	M
51	2020455	Pháp luật đất đai	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	M	M
52	2020124	Bản đồ địa chính	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	M	M	M
53	2020125	GIS và viễn thám ứng dụng	-	-	-	M	-	-	-	-	M	M	-	-	M	M	
54	1080205	Đăng ký đất đai	-	-	-	M	-	-	-	-	M	H	-	-	M	M	M
55	1080199	Quản lý nhà nước về đất đai	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	H	H	M	M	M
56	2020126	Quy hoạch sử dụng đất	-	-	M		M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
57	2020127	Thị trường bất động sản	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	H	H	M	M	M
58	2020128	Đánh giá đất	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	M	M	M	M	M
59	1080202	Định giá đất và quản lý tài chính về đất đai	-	-	M	M	-	-	-	-	M	M	-	-	-	M	M
60	1080217	Tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	M	M	M	M	M

TT	Mã HP	Tên học phần	PLOs														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
61	1080194	Cơ sở sử dụng hợp lí TNTN	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	M	M	M	M	M
62	1080196	Biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
63	1080195	Cảnh quan và sinh thái cảnh quan	-	-	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
64	2020129	Thẩm định giá bất động sản	-	-		M	M	-	-	-	-	-	M	M	M	M	M
65	2020130	Đo đạc địa hình	-	-	-	M		-	-	-	M	M	-	-	M	M	M
66	2020131	Phân vùng địa lý văn hóa Việt Nam	-	-	M	-	-	-	-	M	-	-	-	-	-	M	M
67	2020457	Hệ thống thông tin đất đai (LIS)	-	-	-	M	M	-	-	-	M	H	-	-	M	M	M
68	2020458	Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng SDĐ	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	H	H	M	M	M
69	2020132	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	M	M	M	M	M
70	1080080	Quản lý địa giới hành chính	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	M	M	M	M	M
71	2020133	Thực hành xây dựng CSDL đất đai	-	-	-	M	M	-	-	-	-		M	M	M	M	M
72	2020134	Sinh kế trong thay đổi sử dụng đất	-	-	-	M		-	-	-	-	M				M	M
73	1080216	Hệ thống Nông nghiệp và thủy nông	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	M	M	M	M	M
74	1080220	Phong thủy học và địa lý ứng dụng	-		M	M	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
75	1080279	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	-		M	M	M	-	-	-	-	-	-	-	M	M	M
76	2020135	Quản lý quy hoạch xây dựng	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	M	M	M	M	M
77	2020136	Ứng dụng mô hình hóa trong quản lý đất đai	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	M	M	M	M	M
78	2020137	Đầu tư bất động sản	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	M	M	M	M	M
79	2020138	Môi giới Bất động sản	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	M	M	M	M	M
80	2020139	Maketing bất động sản	-	-	-	M	M	-	-	M	-	-	H	H	M	M	M
81	2020140	Hệ thống thông tin đất đai và bất động sản (LIS + RIS)	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	M	M	M	M	M
82	2020141	Quản lý nhà nước trong kinh doanh bất động sản	-	-	-	M	M	-	-	M	-	-	M	M	M	M	M
83	2020142	Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu	-	-	-	M	M	-	-	M	-	-	M	M	M	M	M
84	2020143	Đấu giá bất động sản	-	-	-	M	M	-	-	M	-	-	M	M	M	M	M
85	1080220	Phong thủy học và địa lí ứng dụng	-		M			-	-	-	-	-	-	-	M	M	M
86	2020144	Đàm phán trong kinh doanh BĐS	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	M	M	M	M	M
87	2020145	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	-	-	-	M	M	-	-	M	-	-	M	M	M	M	M
88	1080213	Công nghệ GNSS trong đo đạc địa chính	-	-	-	M	-	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M
89	2020456	Trắc địa ảnh, giải đoán và điều vẽ ảnh	-	-	-	M	-	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M
90	1080193	Thực hành đo đạc địa chính	-	-	-	M	-	-	-	-	H	H	-	-	M	M	M
91	1080207	Tin học ứng dụng ngành QLĐĐ	-	-	-	M		-	-	-	M	H	-	-	M	M	M
92	1080209	Xử lý số liệu đo đạc	-	-	-	M		-	-	-	M	M	-	-	-	-	M
93	2020146	Kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề	-	-	-	-	-	M	-	M	-	-	-	M	M	M	M
94	2020147	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	-	-	-	-	-	M	-	M	-	-	-	M	M	M	M

TT	Mã HP	Tên học phần	PLOs														
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
95	2020148	Xây dựng Bản đồ chuyên đề trong QLĐĐ	-	-	-	M	-	-	-		M	M	-	-	M	M	M
96	2020149	Kỹ năng giải quyết tình huống pháp luật đất đai	-	-	-	M	M	M	-	H	-	-	M	H	M	M	M
97	1080221	Ứng dụng WebGIS quản lý đất đai và môi trường	-		M	M	M	-	-	-	-	M	M	M	M	M	M
98	2020150	Lập trình căn bản trong quản lý đất đai	-	-	-	M	M	-	-	-	-	M	M	M	M	M	M
99	1080215	Trắc địa công trình	-	-	-	M		-	-	-	M	M	-	-	M	M	M
100	2020151	Kỹ năng kết nối doanh nghiệp	-	-	-	-	-	M	-	M	-	-	-	M	M	M	M
101	2020152	Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	M	M	-	-	-	-	-	H	H	M	M	M
102	2020153	Thực tập chuyên đề 1: Công nghệ địa chính	M	M	M	M	-	-	-	-	M	M	-	-	M	M	M
103	2020154	Thực tập chuyên đề 2: Khoa học địa chính	M	M	M	M	M	M	-	M	-	-	M	M	M	M	M
104	2020155	Thực tập tốt nghiệp	-	M	M	M	M	H	M	H	M	M	M	H	M	M	M
105	2020156	Khóa luận tốt nghiệp	-	M	M	M	M	H	M	H	M	M	M	H	M	M	M
106	1080222	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	-	-	M	M	M	-	M	-	-	M	M	M	M	M	-
107	1080224	Ứng dụng Geomatics trong quản lý đất đai	-	-	-	M	-	-	-	-	M	M	-	-	M	M	M

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [1130299] Triết học Mác - Lênin (3 tín chỉ)

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác – Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nôi dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

2.6.2. [1130300] Kinh tế chính trị Mác – Lênin (2 tín chỉ)

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.6.3. [1130091] Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về : Đối tương, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng

Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.6.4. [1130301] Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình…trong TKQĐ lên CNXH.

Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, Nghiên cứu, CNXHKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội… Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

2.6.5. [1130302] Lịch sử Đảng cộng sản VN (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).

2.6.6. [1130049] Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

2.6.7. [1120172] Giáo dục thể chất 1 (1 tín chỉ)

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tố chất thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.8. [1120173] Giáo dục thể chất 2 (1 tín chỉ)

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tâng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể…

2.6.9. [1120174] Giáo dục thể chất 3 (1 tín chỉ)

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng…, một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

2.6.10. [1120168] Giáo dục quốc phòng-AN 1 (3 tín chỉ)

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan đểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.11. [1120169] Giáo dục quốc phòng-AN 2 (2 tín chỉ)

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan đểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.12. [1120170] Giáo dục quốc phòng-AN 3 (2 tín chỉ)

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan đểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.13. [1090061] Tiếng Anh 1 (3 tín chỉ)

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng và là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn, Tiếng Anh 1, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối không chuyên Anh ngữ, nhằm vào các mục tiêu:

- Hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng văn bản và giao tiếp tiếng Anh.

- Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn hóa, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kĩ năng giao tiếp tiếng Anh.

- Giúp sinh viên rèn luyện và phát triển ngữ năng giao tiếp trong các tình huống thông dụng.

2.6.14. [1090166] Tiếng Anh 2 (4 tín chỉ)

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như phrasal verbs, linking words và collocations, v.v. với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.

2.6.15. [1130002] Khởi nghiệp (2 tín chỉ)

Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường khởi nghiệp, ngoài ra học phần còn giúp người học nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn khởi nghiệp.

2.6.16. [2030003] Kỹ năng giao tiếp (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp và hình thành cho người học những kỹ năng giao tiếp thông thường. Đây là học phần quan trọng giúp cho người học hoàn thiện các kỹ năng mềm của bản thân. Từ đó, giúp sinh viên vận dụng hiệu quả, linh hoạt vào quá trình giao tiếp đa dạng trong cuộc sống; giúp người học có thể đạt được kết quả tốt trong học tập và trong công việc.

2.6.17. [1010392] Toán cao cấp (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hàm số một biến bao gồm: khái niệm về hàm số một biến; phép tính vi phân của hàm số một biến; phép tính tích phân của hàm số một biến; lý thuyết chuỗi. Học phần giúp sinh viên tăng cường khả năng tính toán, hiểu biết, phân tích các khái niệm toán cao cấp, rèn luyện kỹ năng tính toán, phương pháp tư duy toán học cho sinh viên, giúp họ thấy được mối liên hệ chặt chẽ giữa toán học với các lĩnh vực quản lý đất đai; quản lý tài nguyên và môi trường.

2.6.18. [1010128] Xác suất thống kê (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê: Phép thử ngẫu nhiên, biến cố ngẫu nhiên, xác suất của biến cố và các phương pháp tính xác suất, biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, ước lượng tham số và kiểm định giả thiết thống kê.

2.6.19. [2020454] Hóa đại cương (2 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hoá học đại cương, cấu tạo chất và hoá học vô cơ với các nội dung cụ thể sau: Cấu tạo nguyên tử và hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hoá học, cấu tạo phân tử và liên kết hoá học, nhiệt động học, cân bằng hoá học, tốc độ phản ứng hoá học, dung dịch các chất điện ly, phản ứng ôxi hoá-khử và điện hoá học, hoá học nguyên tố nhóm s và p, hoá học các nguyên tố chuyển tiếp nhóm d.

2.6.20. [2020118] Khoa học Trái Đất và sự sống (2 tín chỉ)

Học phần Khoa học Trái Đất và Sự sống cung cấp những kiến thức cơ bản nghiên cứu về Trái Đất, nơi chúng ta đang sống. Đó là những kiến thức về nguồn gốc, vị trí của Trái Đất và quan hệ của nó với các thiên thể khác trong Vũ trụ; Hình dạng, kích thước các vận động và những hệ quả về mặt địa lí và địa vật lí; Thành phần cấu tạo, sự phân bố và trạng thái của các quyển Trái Đất cùng với các quá trình làm biến đổi vỏ Trái Đất; Các quy luật địa lí phổ biến chi phối các quá trình tự nhiên của lớp vỏ Trái Đất; Lịch sử hình thành và phát triển sự sống; Vai trò của môi trường đối với xã hội và vai trò của con người trong mối quan hệ với môi trường.

2.6.21. [1100195] Khoa học quản lý (2 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, những hiểu biết cơ bản về khoa học quản lý. Nắm được vai trò, chức năng quản lý, việc vận dụng quy luật trong quản lý, lịch sử các tư tưởng quản lý, các khái niệm, phương pháp, nguyên tắc quản lý một cách khoa học; kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lý, thông tin quản lý, quyết định quản lý; tổ chức khoa học người cán bộ quản lý.

2.6.22. [1050240] Tin học sơ sở (3 tín chỉ)

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và những ứng dụng đặc trưng của Tin học trong nhóm ngành kinh tế. Từ những thông tin, các thao tác thực hành của môn học giúp sinh viên có thể biết, hiểu, vận dụng những khái niệm, những ứng dụng mới của Tin học dùng trong các lĩnh vực của nhóm ngành kinh tế, sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.

2.6.23. [1090004] Tiếng Anh chuyên ngành (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản về chuyên ngành Quản lí đất đai. Sinh viên được rèn luyện kĩ năng giao tiếp sử dụng các thuật ngữ chuyên môn, các cấu trúc câu thường gặp trong chuyên ngành Quản lí đất đai. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể nghiên cứu các tài liệu chuyên ngành để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiên cứu khoa học.

2.6.24. [1080190] Bản đồ học đại cương (2 tín chỉ)

Bản đồ học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản của khoa học bản đồ, các công nghệ hiện đại được ứng dụng trong công tác đo đạc và thành lập bản đồ, khả năng ứng dụng của bản đồ cho các ngành khoa học liên quan (trong đó đặc biệt là ngành khoa học về Trái Đất như: Địa lí, Quản lí tài nguyên và môi trường..), xu hướng phát triển của ngành Bản đồ trong tương lai. Cơ sở lý thuyết trên giúp sinh viên có thể thực hành công tác đo đạc, phân tích và sử dụng bản đồ trên thực địa trong các học phần chuyên ngành tiếp theo.

2.6.25. [1080191] Trắc địa cơ sở (3 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm: Những kiến thức cơ bản về hình dạng, kích thước trái đất, hệ thống độ cao, các phép chiếu, các phương pháp đo góc ngang, đo góc đứng, đo khoảng cách và đo độ cao…., đồng thời môn học còn cung cấp những kiến thức về lưới khống chế mặt bằng và lưới khống chế độ cao và các thuật toán để xử lý số liệu đo đạc các loại lưới khống chế đo vẽ.

2.6.26. [2020119] Địa lý nhân văn (2 tín chỉ)

- Địa lí nhân văn nằm trong khối kiến thức khoa học xã hội và nhân văn nhằm trang bị hoàn thiện hệ thống kiến thức địa lí cho sinh viên chuyên ngành Quản lí đất đai, giúp họ có thể tìm thấy mối tương quan giữa kinh tế - xã hội và tự nhiên, môi trường.

- Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dân cư, chủng tộc, tôn giáo; Một số vấn đề về văn hoá; Kiến thức về địa lí kinh tế; Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp – dạng quần cư nông thôn; Tổ chức lãnh thổ công nghiệp – dạng quần cư thành thị; Những kiến thức cơ bản về con người với tư cách là dân cư của lãnh thổ và các hoạt động kinh tế, xã hội, văn hoá của họ trên phương diện địa lí.

Thông qua những kiến thức đã được lĩnh hội, môn học giúp sinh viên làm giàu thêm kiến thức cơ sở. Từ đó có thể vận dụng vào thực tiễn công việc, đời sống hoặc tiếp tục học tập, nghiên cứu trong tương lai.

2.6.27. [1080046] Địa lý Việt Nam (3 tín chỉ)

Khái quát về thể tổng hợp địa lí tự nhiên và thể tổng hợp địa lí kinh tế - xã hội của lãnh thổ Việt Nam. Sự phân hóa tự nhiên của lãnh thổ và các vùng kinh tế nước ta. Các vấn đề bảo vệ môi trường và khai thác lãnh thổ Việt Nam.

2.6.28. [2020120] Kinh tế học (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của kinh tế vi mô bao gồm cung - cầu thị trường, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, lý thuyết hành vi người sản xuất, cấu trúc thị trường. Môn học cũng cung cấp kiến thức tổng quan về kinh tế học vĩ mô bao gồm: sản lượng quốc gia, tổng cung tổng cầu, lạm phát và thất nghiệp, cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái và các vấn đề liên quan đến chính sách của chính phủ sử dụng để điều hành nền kinh tế.

Học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành Quản lý đất đai. Kiến thức nắm được từ học phần này sẽ làm nền tảng cho việc học tập các môn học về thị trường bất động sản sau này.

2.6.29. [1080194] Cơ sở sử dụng hợp lí TNTN (2 tín chỉ)

- Môn học trang bị những khái niệm cơ bản về tài nguyên, môi trường và phát triển; Những nguyên lý cơ bản của sinh thái học, địa lí học ứng dụng trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên; Ảnh hưởng của hoạt động phát triển kinh tế xã hội tới môi trường và tài nguyên; Hiện trạng tài nguyên trên thế giới và Việt Nam; các vấn đề môi trường khi khai thác và sử dụng tài nguyên và các giải pháp bảo vệ tài nguyên trên thế giới và Việt Nam

- Rèn luyện cho sinh viên khả năng nghiên cứu, đánh giá hiện trạng khai thác tài nguyên và tác động của chúng đến môi trường. Từ đó đưa ra các giải pháp quản lí tài nguyên môi trường theo hướng bền vững.

2.6.30. [2020122] Cơ sở viễn thám (2 tín chỉ)

Cơ sở viễn thám là môn học bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo các ngành khoa học về Trái Đất như: Địa lí, Trắc địa - Bản đồ, Quản lí tài nguyên và môi trường… Là một môn học khoa học công nghệ thu-nhận, giải đoán, xử lý các thông tin thông qua đặc tính phổ của các đối tượng, hiện tượng tự nhiên trên bề mặt đất.

2.6.31. [2020123] Hệ thống thông tin địa lý (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hệ thống thông tin Địa lí (GIS): GIS là gì, lịch sử hình thành và phát triển của GIS trên thế giới và Việt Nam, các

thành phần của GIS, cơ sở dữ liệu GIS, các đặc điểm của GIS, yêu cầu đối với một hệ GIS, vai trò và ứng dụng của GIS trong đời sống kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực Quản lí đất đai. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến hệ thống tham chiếu không gian: Khái niệm về bản đồ, các đặc tính của bản đồ, hệ thống tọa độ, phép chiếu bản đồ, hệ quy chiếu VN – 2000.

2.6.32. [2020455] Pháp luật đất đai (3 tín chỉ)

- Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về hệ thống chính sách pháp luật đất đai, Kỹ thuật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đất đai và các nội dung quản lí nhà nước về đất đai.

- Sinh viên nắm được các nội dung về pháp luật đất đai ở Việt Nam qua các thời kì, những quy định cơ bản của pháp luật đất đai về quản lý nhà nước đối với đất đai.

- Sinh viên vận dụng được những kiến thức về Kỹ thuật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đất đai, quyền sở hữu đất đai theo quy định của pháp luật hiện hành, địa vị pháp lý của người sử dụng đất và chế độ sử dụng đất trong học tập và phát triển nghề nghiệp.

2.6.33. [2020124] Bản đồ địa chính (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm: Những khái niệm chung về bản đồ địa chính, hệ tọa độ địa chính, lưới địa chính, các phương pháp thành lập bản đồ địa chính và quy phạm trong việc thành lập bản đồ địa chính...đồng thời cung cấp những kiến thức cơ bản trong việc ứng dụng công nghệ mới trong việc thành lập bản đồ địa chính số, công tác quản lý và sử dụng bản đồ địa chính.

2.6.34. [2020125] GIS và viễn thám ứng dụng (2 tín chỉ)

- Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về những ứng dụng của GIS và viễn thám trong các lĩnh vực hiện nay.

- Sinh viên biết được các nội dung về ứng dụng viễn thám và GIS trong phân tích không gian, giải các bài toán về đánh giá đất, quy hoạch sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và thành lập bản đồ. Ngoài ra, sinh viên được trang bị những kiến thức về phân tích và xử lý ảnh trong các phần mềm hiện nay, trích xuất thông tin cùng với sự kết hợp với GIS xử lý và phân tích những bài toán có liên quan đến các vấn đề về môi trường và đất đai

2.6.35. [1080205] Đăng ký đất đai (3 tín chỉ)

- Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về hồ sơ địa chính, các tài liệu trong hồ sơ địa chính.

- Sinh viên biết được các nội dung về cơ sở dữ liệu địa chính, công tác quản lý hồ sơ địa chính và các dạng thức hồ sơ địa chính của nước ta trong lịch sử.

- Sinh viên được trang bị những kiến thức về đăng kí đất đai ban đầu và đăng kí biến động đất đai, về giấy chứng nhận và quy trình thực hiện các công việc này.

2.6.36. [1080199] Quản lý nhà nước về đất đai (3 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lí hành chính nhà nước và quản lí nhà nước về đất đai, giúp sinh viên nắm và hiểu rõ quá trình phát triển công tác quản lý nhà nước về đất đai ở nước ta qua các thời kỳ. Đồng thời, môn học cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về 15 nội dung quản lí nhà nước về đất đai như nội dung về ban hành văn

bản quy phạm pháp luật về đất đai, công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, nghĩa vụ tài chính về đất đai, giá đất…

2.6.37. [2020126] Quy hoạch sử dụng đất (3 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch, sử dụng đất, những yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng đất đai và xu thế phát triển, giúp sinh viên tìm hiểu về nguyên tắc, yêu cầu trong công tác lập quy hoạch, trình tự, nội dung và phương pháp lập quy hoạch sử dụng đất.

Đồng thời, môn học cung cấp những kiến thức chuyên sâu về lập quy hoạch, giúp sinh viên đánh giá được một phương án quy hoạch sử dụng đất hiệu quả.

2.6.38. [2020127] Thị trường bất động sản (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về bất động sản, thị trường bất động sản. Đồng thời, môn học giúp sinh viên phân tích được quan hệ cung cầu trong thị trường bất động sản.

Các kiến thức về giá cả trên thị trường bất động sản, quản lí nhà nước với thị trường bất động sản sẽ bổ trợ, giúp sinh viên nắm vững và phân tích được các chính sách của nhà nước trong chiến lược phát triển thị trường bất động sản.

2.6.39. [2020121] Cơ sở thổ nhưỡng (2 tín chỉ)

Bao gồm những kiến thức cơ bản về thổ nhưỡng như khái niệm, các yếu tố thành tạo; các quá trình hình thành đất; đặc điểm hình thái và các tính chất lý; hoá học của đất cùng các đặc tính lí – hóa của thổ nhưỡng; đặc trưng của các loại đất, phân loại đất và thành lập bản đồ đất

2.6.40. [1080202] Định giá đất và quản lý tài chính về đất đai (3 tín chỉ)

- Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về giá đất và định giá đất.

- Sinh viên nắm được các nội dung về đặc trưng của giá đất, cơ sở hình thành giá đất, các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất.

- Sinh viên vận dụng được những kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp để định giá đất; biết cách tính tiền sử dụng đất, thuế, phí, lệ phí về đất đai trong những trường hợp cụ thể.

2.6.41. [1080217] Tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai (2 tín chỉ)

- Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về huy động sự tham gia của cộng đồng, các yếu tố quyết định hiệu quả tham vấn cộng đồng, kinh nghiệm tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai ở các nước trên thế giới.

- Sinh viên nắm được kỹ năng tham vấn cộng đồng và quản lý sự tham gia của cộng đồng, các mô hình tham vấn cộng đồng.

- Sinh viên vận dụng được những kiến thức pháp luật và kỹ năng để huy động sự tham gia của cộng đồng trong các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

2.6.42. [1080196] Biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên (2 tín chỉ)

Học phần là kiến thức cơ sở cần thiết và quan trọng của ngành Quản lý tài nguyên và môi trường. Cung cấp, trang bị cho sinh viên những kiến thức về biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên, phân tích tình hình biến đổi khí hậu trên thế giới và Việt Nam, bao gồm

các tác động, cách thích nghi và cách ứng phó theo hướng phát triển bền vững. Quá trình học tập cũng rèn luyện cho sinh viên khả năng làm việc nhóm nghiên cứu về biến đổi khí hậu và tai biến thiên nhiên và các giải pháp thích ứng phù hợp với thực tiễn.

2.6.43. [1080195] Cảnh quan và sinh thái cảnh quan (2 tín chỉ)

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cảnh quan học và sinh thái cảnh quan; các nguyên lý và quy luật trong nghiên cứu cảnh quan; sinh thái học thành phần, cấu trúc và chức năng cảnh quan; các động lực và nguyên lý phục hồi cảnh quan.

Cung cấp cho sinh viên các cách để xác định được các vùng sinh thái cảnh quan, các chiến lược cho sinh thái và cảnh quan liên quan công tác sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

2.6.44. [2020129] Thẩm định giá bất động sản (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thẩm định giá trị bất động sản, sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các hàm tài chính thông dụng trong thẩm định giá trị bất động sản; hiểu và vận dụng được các nguyên tắc và các phương pháp thẩm định giá trị bất động sản, phục vụ dịch vụ thẩm định giá trị bất động sản theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân.

2.6.45. [2020131] Phân vùng địa lý văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

- Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khái niệm, cấu trúc, đặc trưng và chức năng cơ bản của văn hoá; góc nhìn văn hóa từ không gian, cụ thể là các vùng của địa lý văn hóa.

- Sinh viên nắm được các nội dung kiến thức tổng quát về văn hóa Việt Nam, đặc điểm của các vùng văn hóa, sự đa dạng của một số yếu tố văn hóa tại các vùng, sự thống nhất – đa dạng văn hóa và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

2.6.46. [2020457] Hệ thống thông tin đất đai (LIS) (2 tín chỉ)

- Hệ thống thông tin đất đai nằm trong chiến lược tổng thể của ngành Quản lý đất đai nhằm thiết lập một CSDL toàn ngành trên nền tảng công nghệ tin học.

- Môn học Hệ thống thông tin đất đai cung cấp cho sinh viên những vấn đề tổng quan về hệ thống thông tin đất đai, những phương pháp và kỹ thuật được áp dụng trong quản lý đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai, từ đó giúp sinh viên ra trường hiểu, dễ nắm bắt công nghệ mới trong quản lí đất đai, đánh giá được lợi ích của thông tin trong mối liên quan mật thiết giữa kỹ thuật và quản lý.

- Sinh viên được thực hành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và sử dụng các phần mềm hệ thống thông tin đất đai.

2.6.47. [2020458] Thống kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng SDĐ (2 tín chỉ)

Môn học gồm bốn phần kiến thức có liên quan với nhau: Tổng quan mô hình hóa trong sử dụng đất, phân loại và tiến trình mô hình, hiệu chỉnh các thông số mô hình và ứng dụng mô hình hóa sử dụng đất và dự báo thay đổi sử dụng đất.

- Trong phần thống kê, kiểm kê đất đai: Cung cấp những khái niệm cơ bản về thống kê, thống kê đất đai và kiểm kê đất đai; nội dung thống kê đất theo mục đích sử dụng và

theo đối tượng sử dụng đất, thống kê biến động sử dụng đất; các phương pháp thống kê đất đai và báo cáo kết quả thống kê đất đai.

- Trong phần thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất: Cung cấp khái niệm cơ bản về khoanh đất, loại đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất; quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, mối quan hệ giữa thống kê kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

2.6.48. [2020136] Ứng dụng mô hình hóa trong quản lý đất đai (2 tín chỉ)

Môn học gồm bốn phần kiến thức có liên quan với nhau: Tổng quan mô hình hóa trong sử dụng đất, phân loại và tiến trình mô hình, hiệu chỉnh các thông số mô hình và ứng dụng mô hình hóa sử dụng đất và dự báo thay đổi sử dụng đất cho tương lai. Trong môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình hóa, đặc trưng mô hình và các mô hình thay đổi sử dụng đất được sử dụng hiện nay. Qua môn học này sinh viên được trang bị những kiến thức về mô hình hóa và các thuật toán để tính toán sử dụng đất trong tương lai, so sánh được ưu và nhược điểm các mô hình hóa, cùng với đó là sự khác nhau cơ bản của các mô hình hóa trong đánh giá thay đổi sử dụng đất.

2.6.49. [2020132] Xây dựng kế hoạch sử dụng đất (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế hoạch sử dụng đất (Xác định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hệ thống chỉ tiêu sử dụng đất, mã ký hiệu, loại đất được phân bổ, được xác định, được xác định bổ sung trong kế hoạch sử dụng đất) cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện.

Đồng thời môn học cung cấp kiến thức trong việc xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện huyện và thực hành thành lập hệ thống bản biểu xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

2.6.50. [1080080] Quản lý địa giới hành chính (2 tín chỉ)

- Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về lãnh thổ, phân cấp đơn vị hành chính, địa giới hành chính, đường địa giới hành chính, mốc địa giới hành chính, điểm đặc trưng.

- Sinh viên nắm được các nội dung về quản lý địa giới hành chính, quản lý hồ sơ địa giới hành chính.

- Sinh viên vận dụng được những kiến thức về thẩm quyền phân định, điều chỉnh địa giới hành chính, quy trình thành lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, quy định kỹ thuật về phân định địa giới hành chính các cấp, quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính để xây dựng cơ sở dữ liệu địa giới hành chính, tổ chức lập và quản lý hiệu quả hồ sơ địa giới hành chính.

2.6.51. [2020133] Thực hành xây dựng CSDL đất đai (2 tín chỉ)

Học phần tập trung trình bày, làm rõ những kiến thức thực hành về quy trình xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu thành phần của cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia gồm: cơ sở dữ liệu địa chính; cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; và cơ sở dữ liệu giá đất.

2.6.52. [2020134] Sinh kế trong thay đổi sử dụng đất (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh kế trong thay đổi sử dụng đất, trong đó chú trọng đến cách thức tiếp cận sinh kế, khung sinh kế bền vững và sự

biến đổi các yếu tố hình thành sinh kế trong quá trình thay đổi sử dụng đất. Đồng thời, làm rõ sự khác biệt sinh kế giữa các vùng, miền địa lý và mối quan hệ giữa sinh kế và thay đổi đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở Việt Nam và các địa phương. Bên cạnh đó, ứng dụng khung lý thuyết sinh kế bền vững để phân tích sự thay đổi sinh kế trong quá trình thay đổi sử dụng đất của một cộng đồng dân cư bằng các phương pháp nghiên cứu đặc trưng, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển sinh kế theo hướng hiệu quả, bền vững.

2.6.53. [1080216] Hệ thống Nông nghiệp và thủy nông (2 tín chỉ)

Môn học gồm 2 phần, phần 1 trình bày những kiến thức cơ bản về hệ thống nói chung và hệ thống nông nghiệp nói riêng, lịch sử phát triển của ngành nông nghiệp thế giới và nông nghiệp Việt Nam, các loại hình sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam. Phần 2 trình bày những kiến thức cơ bản về Hệ thống thủy nông, trong đó trình bày về vấn đề thủy nông ở Việt Nam, các phương pháp tưới tiêu đồng ruộng, Các biện pháp thủy nông cải tạo đất mặn, đất phèn…

2.6.54. [1080220] Phong thủy học và địa lý ứng dụng (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về khoa học phong thuỷ, các quy luật địa lí phổ biến trong cuộc sống, từ đó giải thích các sự vật hiện tượng, các vấn đề trong cuộc sống. Môn học cũng trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng trong vận dụng bát trạch, phong thuỷ huyền không trong thiết kế kiến trúc và quy hoạch.

2.6.55. [2020135] Quản lý quy hoạch xây dựng (2 tín chỉ)

Đối tượng chính tiếp cận học phần này là sinh viên ngành quản lý đất đai (chuyên ngành quản lý đất đai và chuyên ngành quản lý thị trường bất động sản). Học phần tập trung trình bày, làm rõ cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch xây dựng; vai trò, nhiệm vụ của Nhà nước về quản lý quy hoạch xây dựng.

Thông qua môn học, sinh viên hiểu được các nội dung công việc liên quan đến quản lý quy hoạch xây dựng. Từ đó, sinh viên có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý quy hoạch xây dựng để làm việc hiệu quả trong chuyên môn quản lý đất đai.

2.6.56. [2020137] Đầu tư bất động sản (2 tín chỉ)

Cung cấp những vấn đề cơ bản về khái niệm, thuộc tính và đặc trưng cơ bản của bất động sản; doanh thu, chi phí, lợi nhuận; thị trường bất động sản; đầu tư bất động sản; tài trợ bất động sản.

Học phần thuộc kiến thức ngành trong khối kiến thức chuyên ngành của ngành Quản lý Đất đai. Thông qua chương trình học, học phần sẽ giúp phát triển các kiến thức về bất động sản, đầu tư bất động sản, tài trợ bất động sản của sinh viên và là nền tảng kiến thức nghề nghiệp cho sinh viên sau này.

2.6.57. [2020138] Môi giới Bất động sản (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về môi giới bất động sản ở Việt Nam và các nước trên thế giới, giúp sinh viên hiểu rõ về vai trò của hoạt động môi giới, nguyên tắc hoạt động và những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động môi giới.. Đồng thời, môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về pháp luật bất động sản, quy trình, kỹ năng hành nghề môi giới bất động sản, giúp sinh viên trở thành nhà môi giới bất động sản chuyên nghiệp.

2.6.58. [2020139] Maketing bất động sản (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Maketing trong việc kinh doanh bất động sản, giúp sinh viên nắm được nguyên lý chung của hoạt động marketing BĐS, hiểu và vận dụng được các hình thức, công cụ marketing trong kinh doanh BĐS. Ứng dụng tính hữu dụng trong marketing BĐS phục vụ kinh doanh BĐS. Thiết kế được mục tiêu, chiến lược marketing cho đơn vị kinh doanh BĐS.

Học phần thuộc khối kiến thức ngành trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của chuyên ngành Quản lý thị trường bất độn sản. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức giáo dục đại cương, học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức toàn diện sau khi ra trường.

2.6.59. [2020140] Hệ thống thông tin đất đai và bất động sản (LIS + RIS) (2 tín chỉ)

Hệ thống thông tin đất đai và bất động sản nằm trong chiến lược tổng thể của ngành Quản lý đất đai nhằm thiết lập một CSDL toàn ngành trên nền tảng công nghệ tin học. Môn học Hệ thống thông tin đất đai cung cấp cho sinh viên những vấn đề tổng quan về hệ thống thông tin đất đai và bất động sản, những phương pháp và kỹ thuật được áp dụng trong quản lý đất đai và bất động sản, cơ sở dữ liệu đất đai và bất động sản, từ đó giúp sinh viên ra trường hiểu, dễ nắm bắt công nghệ mới trong quản lí đất đai, quản lí bất động sản đánh giá được lợi ích của thông tin trong mối liên quan mật thiết giữa kỹ thuật và quản lý. Sinh viên được thực hành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và bất động sản và sử dụng các phần mềm hệ thống thông tin đất đai và bất động sản.

2.6.60. [2020141] Quản lý nhà nước trong kinh doanh bất động sản (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về bất động sản, kinh doanh bất động sản, quản lí nhà nước về kinh doanh bất động sản, giúp sinh viên nắm và hiểu rõ sự cần thiết phải quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản và yêu cầu, nội dung của quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản. Đồng thời, môn học cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quan về chính sách của Nhà nước đối với đầu tư kinh doanh bất động sản, các nội dung quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản, các nội dung quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản, quản lý nhà nước về kinh doanh dịch vụ bất động sản.

2.6.61. [2020142] Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu (2 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên những nét tổng quan nhất về dữ liệu thống kê, phương pháp phân tích dữ liệu cơ bản và mô hình dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội. Học phần có các ví dụ minh họa cho thị trường bất động sản.

Học phần thuộc kiến thức chuyên ngành Quản lý thị trường bất động sản của ngành Quản lý đất đai. Trên cơ sở sinh viên đã nắm vững kiến thức về Toán xác suất và thống kê, học phần sẽ giúp người học hiểu và vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức về phân tích dữ liệu và dự báo cho thị trường bất động sản.

2.6.62. [2020143] Đấu giá bất động sản (2 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về đấu giá tài sản, giúp sinh viên hiểu được công tác tổ chức đấu giá tài sản, công việc của đấu giá viên, giám định tài sản tham gia đấu giá. Đồng thời, môn học giúp sinh viên nắm vững kiến thức về đấu giá bất động sản là quyền sử dụng đất, pháp luật về đấu giá bất động sản ở Việt Nam và các nước trên thế giới.

2.6.63. [2020134] Sinh kế trong thay đổi sử dụng đất – Bất động sản (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh kế trong thay đổi sử dụng đất, trong đó chú trọng đến cách thức tiếp cận sinh kế, khung sinh kế bền vững và sự biến đổi các yếu tố hình thành sinh kế trong quá trình thay đổi sử dụng đất. Đồng thời, làm rõ sự khác biệt sinh kế giữa các vùng, miền địa lý và mối quan hệ giữa sinh kế và thay đổi đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở Việt Nam và các địa phương. Bên cạnh đó, ứng dụng khung lý thuyết sinh kế bền vững để phân tích sự thay đổi sinh kế trong quá trình thay đổi sử dụng đất của một cộng đồng dân cư bằng các phương pháp nghiên cứu đặc trưng, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển sinh kế theo hướng hiệu quả, bền vững.

2.6.64. [1080220] Phong thủy học và địa lí ứng dụng (Chuyên ngành BĐS) (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về khoa học phong thuỷ, các quy luật địa lí phổ biến trong cuộc sống, từ đó giải thích các sự vật hiện tượng, các vấn đề trong cuộc sống. Môn học cũng trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng trong vận dụng bát trạch, phong thuỷ huyền không trong thiết kế kiến trúc và quy hoạch.

2.6.65. [2020135] Quản lý quy hoạch xây dựng (Chuyên ngành BĐS) (2 tín chỉ)

Đối tượng chính tiếp cận học phần này là sinh viên ngành quản lý đất đai (chuyên ngành quản lý đất đai và chuyên ngành quản lý thị trường bất động sản). Học phần tập trung trình bày, làm rõ cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch xây dựng; vai trò, nhiệm vụ của Nhà nước về quản lý quy hoạch xây dựng.

Thông qua môn học, sinh viên hiểu được các nội dung công việc liên quan đến quản lý quy hoạch xây dựng. Từ đó, sinh viên có những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý quy hoạch xây dựng để làm việc hiệu quả trong chuyên môn quản lý đất đai.

2.6.66. [1080213] Công nghệ GNSS trong đo đạc địa chính (2 tín chỉ)

Môn học trình bày những kiến thức về khái niệm và thành phần chức năng của hệ thống GNSS; cung cấp khái niệm nguyên lý hoạt động của hệ thống định vị GNSS với các hệ vệ tinh hiện nay bao gồm: Hệ thống định vị toàn cầu (GPS - Global Navigation System), Hệ thống định vị vệ tinh dẫn đường (GLONASS -Global Navigation Satellite System), Hệ thống định vị Gelileo, Hệ thống vệ tinh dẫn đường Bắc Đẩu (BeiDou) và một số hệ thống dẫn đường vệ tinh khác. Đồng thời môn học cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phương pháp đo đạc và xử lý số liệu bằng những thiết bị đo đạc GNSS để thành lập các lưới địa chính và các phương pháp đo phục vụ chuyên ngành Quản lý đất đai.

2.6.67. [2020456] Trắc địa ảnh, giải đoán và điều vẽ ảnh (2 tín chỉ)

Trắc địa ảnh và giải đoán, điều vẽ ảnh là môn học bắt buộc nằm trong chương trình đào tạo các ngành khoa học về Trái Đất như: Địa lí, Trắc địa - Bản đồ, Quản lý tài nguyên và môi trường, Quản lý đất đai,...Học phần này làm rõ hơn những vấn đề chung về công tác đo đạc chụp ảnh viễn thám, các cơ sở tạo ảnh đo và các phương pháp đo ảnh cũng như ứng dụng của ảnh viễn thám trong lĩnh vực thành lập bản đồ.

2.6.68. [1080193] Thực hành đo đạc địa chính (2 tín chỉ)

Môn học trang bị và rèn luyện cho người học các kỹ năng về sử dụng các thiết bị trong đo đạc địa chính: máy toàn đạc điện tử, máy GNSS. Môn học rèn luyện cho người học kỹ năng xây dựng, thành lập lưới khống chế đo vẽ cho một khu đo cụ thể; rèn luyện kỹ năng đo vẽ chi tiết bản đồ địa chính. Môn học rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành trong bình sai lưới khống chế và biên tập bản đồ địa chính.

2.6.69. [1080207] Tin học ứng dụng ngành QLĐĐ (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản, thành phần và đặc điểm của bản đồ số; Các cách thu thập thông tin để thành lập bản đồ số và môi trường đồ hoạ của bản đồ địa chính số. Ngoài ra, học phần cung cấp cho sinh viên nắm được ý nghĩa bản đồ địa chính số và các tỷ lệ bản đồ địa chính số trong công tác quản lý đất đai. Sinh viên nắm được các mô hình dữ liệu của bản đồ số; Dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính và chuẩn hoá bản đồ số theo đúng quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Sinh viên nắm được quy trình công nghệ thành lập bản đồ số theo quy định và ứng dụng được các phần mềm Mcrostation và bộ phần mềm Mapping office thành lập và chuẩn hóa bản đồ địa chính số phục vụ cho công tác quản lý đất đai.

2.6.70. [1080209] Xử lý số liệu đo đạc (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm: Những kiến thức cơ bản về lý thuyết sai số trong đo đạc, các loại sai số đo, phương pháp xử lý kết quả đo một đại lượng cùng độ chính xác và không cùng độ chính xác, khái niệm về phương pháp số bình phương nhỏ nhất, phương pháp bình sai điều kiện, phương pháp bình sai tham số…..

2.6.71. [1080279] Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội (2 tín chỉ)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay, chú trọng phân tích, đánh giá thực trạng của các nguồn lực tác động đến sự phát triển KT – XH, mục tiêu và khả năng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong tương lai; luận chứng quy hoạch phát triển không gian như quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn, quy hoạch vùng sản xuất, quy hoạch phát triển các lĩnh vực xã hội (y tế, giáo dục, văn hóa…) và đời sống dân cư, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Đồng thời, môn học còn trang bị cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu ứng dụng một số quy trình quy hoạch tổng thể phát triển KT – XH theo ngành và lãnh thổ tại một địa phương, khu vực cụ thể.

2.6.72. [2020130] Đo đạc địa hình (2 tín chỉ)

Môn học đo đạc địa hình cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình, mặt cắt địa hình; các phương pháp đo đạc địa hình, mặt cắt địa hình, quy trình đo đạc bản đồ địa hình. Bên cạnh đó còn cung cấp cho sinh viên phương pháp sử dụng bản đồ địa hình ngoài thực địa, phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

2.6.73. [2020148] Xây dựng Bản đồ chuyên đề trong QLĐĐ (2 tín chỉ)

Học phần nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản để thành lập và sử dụng các loại bản đồ chuyên đề khác nhau. Sau khi học xong sinh viên có thể vận dụng các phương pháp thể hiện nội dung bản đồ, biết quy trình xây dựng bản đồ và có thể xây dựng bản đồ phục vụ công tác quản lý đất đai.

2.6.74. [2020149] Kỹ năng giải quyết tình huống pháp luật đất đai (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về tình huống, tình huống pháp luật đất đai, giải quyết tình huống pháp luật đất đai, vai trò của việc giải quyết tình huống pháp luật đất đai trong công tác quản lý nhà nước về đất đai và quy trình cơ bản giải quyết tình huống pháp luật đất đai. Sinh viên nắm được một số kỹ năng chung trong giải quyết tình huống pháp luật đất đai. Sinh viên được trang bị những kĩ năng bao gồm: kỹ năng tư vấn pháp luật đất đai, kỹ năng hòa giải ở cơ sở và giải quyết tranh chấp đất đai, kỹ năng tiếp công dân và

giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, kỹ năng phát hiện và xử lý vi phạm hành chính về đất đai.

2.6.75. [1080221] Ứng dụng WebGIS quản lý đất đai và môi trường (2 tín chỉ)

Học phần tập trung trình bày, làm rõ những kiến thức cơ bản về web, bản đồ trực tuyến, cơ sở dữ liệu GIS đưa lên nền web, hệ thống phân tích không gian và thuộc tính, tính chất và khả năng ứng dụng một số phần mềm WebGIS trong quản lý đất đai và môi trường. Giới thiệu cơ bản các phần mềm xây dựng WebGIS.

2.6.76. [2020150] Lập trình căn bản trong quản lý đất đai (2 tín chỉ)

Học phần cập nhật những kiến thức về lập trình đặc biệt sử dụng ngôn ngữ lập trình như công cụ để khai thác dữ liệu cũng viết các module đơn giản hỗ trợ trong việc quản quản lý đất đai. Sinh viên có thể tiếp cận cách giải quyết các bài toán liên quan thông qua các thao tác: tổ chức, lưu trữ, xử lý dữ liệu bằng công cụ, ứng dụng có sẵn của Python.

2.6.77. [1080215] Trắc địa công trình (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm: Những kiến thức cơ bản về đo đạc phục vụ các dạng công trình như xây dựng thành phố, xây dựng nhà dân dụng, xây dựng đường giao thông, …., đồng thời môn học còn cung cấp những kiến thức về một số thuật toán để xử lý số liệu đo đạc các dạng công trình, các phương pháp bố trí các yếu tố cơ bản của công trình, đo đạc, tính toán độ biến dạng của công trình để có những phương án xử lý kịp thời.

2.6.78. [2020151] Kỹ năng kết nối doanh nghiệp (2 tín chỉ)

Học phần này nhằm giúp sinh viên hiểu được khái niệm và tầm quan trọng của việc kết nối doanh nghiệp cũng như các mối quan trong kết nối doanh nghiệp. Trong phạm vi giới hạn của học phần sẽ đưa ra phương pháp khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp nhằm hỗ trợ quá trình thực tập và phỏng vấn việc làm. Học phần sẽ liệt kê một số mô hình kết nối doanh nghiệp cho sinh viên. Cuối cùng, học phần sẽ nêu các kỹ năng tạo lập mối quan hệ với doanh nghiệp.

2.6.79. [2020153] Thực tập chuyên đề 1: Công nghệ địa chính (1 tín chỉ)

Môn học được tiến hành bằng hình thức đưa sinh viên đi thực địa tại một số địa phương cụ thể nhằm tìm hiểu về hệ thống tọa độ và cách thức tìm kiếm hệ thống điểm tọa độ địa chính bằng thiết bị định vị cầm tay GPS, nghiên cứu ứng dụng GIS và viễn thám trong xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ thống kê và kiểm kê đất đai trên địa bàn thực địa. Ngoài ra còn nghiên cứu công tác ứng dụng GIS trong xây dựng CSDL hiện trạng, quy hoạch sử dụng đất và đánh giá tiến độ quy hoạch sử dụng đất so với hiện trạng sử dụng đất.

2.6.80. [2020154] Thực tập chuyên đề 2: Khoa học địa chính (1 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức thực tế về một trong các nội dung giao đất, đăng ký đất đai hoặc tranh chấp - khiếu nại đất đai. Sinh viên biết được thực tế triển khai một trong các hoạt động: giao đất, đăng ký đất đai hoặc tranh chấp - khiếu nại đất đai tại một cơ quan/ địa phương cụ thể. Sinh viên được trang bị những kĩ năng: soạn thảo văn bản, triển khai thực hiện công tác: giao đất, đăng ký đất đai hoặc tranh chấp - khiếu nại đất đai, kỹ năng môi giới bất động sản.

2.6.81. [1080222] Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (3 tín chỉ)

Môn học cung cấp những kiến thức về nguyên tắc bồi thường, đối tượng, phạm vi được bồi thường, hỗ trợ đất và tài sản gắn liền với đất. Đồng thời, môn học cung cấp những kiến thức chuyên sâu về vấn đề thu hồi, bồi thường, chính sách hỗ trợ, tái định cư cho người có đất bị thu hồi. Pháp luật về thu hồi, bồi thường của các nước trên thế giới và Việt Nam qua các thời kì, đồng thời cung cấp những kiến thức về vấn đề khiếu nại, giải quyết khiếu nại liên quan đến vấn đề bồi thường cho người dân có đất bị thu hồi.

2.6.82. [1080224] Ứng dụng Geomatic trong quản lý đất đai (3 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ứng dụng Geomatics trong ngành quản lý đất đai, trong đó Geomatics là một môn học bao gồm nhiều lĩnh vực liên quan đến việc thu thập, quản lý, phân tích và hiển thị thông tin không gian địa lý. Học phần tập trung vào các lĩnh vực nghiên cứu liên quan đến nhau trên phạm vi rộng lớn của thông tin không gian địa lý bao gồm 3 lĩnh vực: Viễn thám (Remote sensing -RS), Hệ thông tin Địa lý (Geographic Information System - GIS), Hệ thống định vị toàn cầu (Global Position System - GPS) (hay Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu - Global Navigation Satellite System - GNSS). Trong đó, tập trung trình bà và làm rõ những kiến thức xử lý số liệu đo đạc bằng thiết bị GNSS, phần mềm Viễn thám và GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu từ tư liệu ảnh vệ tinh độ phân giải cao và siêu cao và giải quyết các bài toán hỗ trợ ra quyết định hiện nay.

Ngoài ra, học phần sẽ giúp làm rõ mối quan hệ giữa viễn thám, GIS và công nghệ GNSS phục vụ ứng dụng trong ngành quản lý đất đai.

Bình Định, ngày 21 tháng 8 năm 2020

TRƯỞNG KHOA	TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC	HIỆU TRƯỞNG
TS. Ngô Anh Tú		PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ